TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 10/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 07-5-2019
V/v: "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn giữa chị H và anh Ch"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm văn Nam;
2. Ông Hoàng Xuân Tỵ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân TP. L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1981; trú tại: Số X, đường P, Phường M, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Ch; sinh năm 1980; trú tại: Số H, đường P, phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin khởi kiện ngày 12/12/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Văn Ch sống chung với nhau như vợ chồng năm 2010, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai người sinh được 01 người con tên Phạm Ngọc Thái H, sinh ngày 22/01/2013. Sau khi sinh con hai người phát sinh mâu thuẫn do vậy chị H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Ch, chị H yêu cầu được nuôi cháu H và yêu cầu anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ. Về tài sản chung: Chị H khai hai người tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai ngày 01/3/2019 anh Phạm Văn Ch trình bày: Anh Ch công nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như chị H trình bày, anh có nguyện vọng được nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 01/3/2019, tại buổi hòa giải các đương sự thống nhất giao cháu H cho anh Ch nuôi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng đến ngày 02/4/2019 chị H thay đổi yêu cầu, không đồng ý giao cháu H cho anh Ch nuôi vì chị cho rằng anh Ch không đảm bảo điều kiện nuôi con và có hành vi cấm đoán chị thăm và chăm sóc con chung. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Đương sự đã tuân thủ đúng theo trình tự của phiên tòa sơ thẩm quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, công nhận chị H và anh Ch không phải là vợ chồng. Giao cháu Phạm Ngọc Thái H, sinh ngày 22/01/2013 cho chị H nuôi dưỡng, anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Chị H, anh Ch phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Ch sống chung với nhau như vợ chồng năm 2010, không đăng ký kết hôn quá trình sống chung hai người phát sinh mâu thuẫn do vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Ch. Xét yêu cầu của chị H phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận, tuyên bố chị H và anh Ch không phải vợ chồng.

[2]. Về con chung: Cháu Phạm Ngọc Thái H, sinh ngày 22/01/2013 chị H và anh Ch đều có nguyện vọng được nuôi. Xét về điều kiện thì anh Ch và chị H có điều kiện ngang nhau về kinh tế nhưng về việc chăm lo đời sống của con thì chị H có điều kiện hơn vì cháu H hiện nay mới hơn 6 tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy cần giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con: Theo yêu cầu của chị H tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000đ là

chưa phù hợp vì anh Ch đang còn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác 900.000đ/tháng, do vậy cần điều chỉnh lại tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng là phù hợp.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn, anh Ch phải nộp án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 03/6/200 của Quộc Hội và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Ch là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Thái H, sinh ngày 22/01/2013 cho chị H nuôi, anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Quyền thay đổi người nuôi con, quyền thăm nom con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002745 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Anh Ch phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. B;
- Chi cục T.H.A.D.S.TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Đình Tú

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. L – LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đình Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Hoàng Xuân Tỵ.
+ Ông Cầm Văn Nam

Vào lúc giờ ngày 07 tháng 5 năm 2019, đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số: 429/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn", giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Ch.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX thảo luận và quyết định các vấn đề sau:

1/ Về quan hệ tranh chấp:

+ Ý kiến của các Hội thẩm nhân dân : "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn".

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

2/ Về áp dụng pháp luật:

+ Ý kiến của các Hội thẩm nhân dân: Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 03/6/200 của Quộc Hội và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

3/ Về nội dung:

+ ý kiến của các Hội thẩm nhân dân:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Ch là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Thái H, sinh ngày 22/01/2013 cho chị H nuôi, anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Quyền thay đổi người nuôi con, quyền thăm nom con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002745 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Anh Ch phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Ngoài ra các đương sự còn có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 07 tháng 5 năm 2019, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận nội dung đã quyết định.

Hội đồng xét xử

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Đình Tú.